

BÁO CÁO
TỔNG KẾT CÔNG TÁC DƯỢC VÀ MỸ PHẨM NĂM 2018,
VÀ KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2019

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Đặc điểm tình hình địa phương

Bình Định là một tỉnh duyên hải Nam Trung bộ, có diện tích tự nhiên là 6.039km², có 09 huyện, 01 thị xã và 01 thành phố trực thuộc tỉnh với 159 xã, phường, thị trấn.

Sau khi sát nhập theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII), hệ thống ngành y tế tỉnh Bình Định bao gồm: 03 đơn vị quản lý hành chính (Sở Y tế, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm); 10 đơn vị sự nghiệp tuyến tỉnh (02 bệnh viện đa khoa, 04 bệnh viện chuyên khoa, 04 trung tâm chuyên ngành); 11 đơn vị sự nghiệp tuyến huyện, thị xã, thành phố và 159 trạm y tế xã, phường, thị trấn. Giường bệnh do Sở Y tế quản lý: 3.550, đạt 23 giường/10.000 dân; tổng số biên chế: 5.200 người, trong đó có 942 bác sĩ, đạt 5,78 bác sĩ/10.000 dân, dược sĩ đại học: 91 người, đạt 0,6/10.000 dân.

Lĩnh vực sản xuất thuốc có 02 doanh nghiệp: 01 doanh nghiệp cổ phần hóa và 01 doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài. Lĩnh vực kinh doanh thuốc có 20 doanh nghiệp kinh doanh thuốc (bao gồm cả chi nhánh thuộc doanh nghiệp) đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt phân phối thuốc - GDP” (tỷ lệ 100%); có 762 nhà thuốc/quầy thuốc bệnh viện đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt nhà thuốc - GPP” (tỷ lệ 98,7%). Việc bảo quản thuốc tại các bệnh viện cũng đã được cải thiện về cơ sở vật chất theo hướng GSP.

Hệ thống kiểm tra giám sát chất lượng thuốc có Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm tỉnh. Hệ thống đào tạo có Trường Cao đẳng y tế Bình Định đào tạo thường xuyên dược sĩ cao đẳng, dược sĩ trung học và dược tá.

2. Một số thông tin chung: Theo **Biểu mẫu 2** đính kèm.

3. Thuận lợi và khó khăn

3.1. Thuận lợi:

- Có sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Y tế, Cục Quản lý Dược và sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự giúp đỡ có hiệu quả của các sở, ban, ngành hữu quan trong việc khắc phục những khó khăn cũng như phối hợp các hoạt động nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về dược và mỹ phẩm trên địa bàn;

- Có sự quan tâm của lãnh đạo Ngành Y tế trong việc củng cố và kiện toàn cơ cấu tổ chức công tác dược, bổ sung nhân lực cho hệ thống quản lý dược từ

tính đến cơ sở nhất là các cơ sở điều trị, góp phần đưa công tác sử dụng thuốc hợp lý, an toàn đi vào nề nếp và nâng cao chất lượng điều trị;

- Có sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về dược và mỹ phẩm cũng như đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý thuốc trực tiếp tại các đơn vị trực thuộc trong việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3.2. *Khó khăn:*

- Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý về dược và mỹ phẩm từ Sở Y tế đến các đơn vị còn quá thiếu, số lượng dược sĩ đại học không đủ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác dược;

- Cơ sở vật chất của hệ dược tại các đơn vị đang từng bước được xây dựng mới theo tiêu chuẩn thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP) nhưng đa số kho dược tại các cơ sở y tế hiện nay vẫn chưa đạt yêu cầu;

- Đời sống cán bộ làm công tác quản lý dược vẫn còn nhiều khó khăn, không thu hút được cán bộ trong khi hệ thống sản xuất thuốc phát triển, nhu cầu dược sĩ cao, chế độ đãi ngộ phù hợp hơn, thu hút nhiều cán bộ trẻ;

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực dược, trang thiết bị y tế thay đổi thường xuyên và chưa đồng bộ, nên một số công tác như đấu thầu thuốc, ... triển khai chưa kịp thời.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành tại địa phương và việc tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt

Sở Y tế đã tham mưu xây dựng các quy hoạch, kế hoạch đề án phát triển ngành được UBND tỉnh phê duyệt:

- Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống y tế tỉnh Bình Định đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020, trong đó có các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể về nâng cao năng lực sản xuất thuốc và trang thiết bị, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về dược và trang thiết bị y tế.

- Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống y tế tỉnh Bình Định đến năm 2025 (điều chỉnh, bổ sung), trong đó có chỉ tiêu số dược sĩ đại học/vạn dân đến năm 2025 phải đạt > 1,5 và kiện toàn, đổi tên Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm, Mỹ phẩm thành Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm và Thực phẩm.

Ngày 29/12/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 4959/QĐ-UBND ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 tại tỉnh Bình Định.

Ngày 10/9/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 3055/QĐ-UBND Về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án tăng cường kiểm soát kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn giai đoạn 2018 - 2020 tại tỉnh Bình Định; Công văn số 5279/UBND-VX ngày 30/8/2018 về việc xây dựng kế hoạch triển khai ứng dụng công nghệ thông tin kết nối cơ sở cung ứng thuốc nhằm kiểm soát kê đơn và bán thuốc theo đơn.

2. Công tác chỉ đạo việc thực hiện chính sách quốc gia về thuốc

Thực hiện Chính sách thuốc quốc gia của tỉnh, Sở Y tế tiếp tục tham mưu UBND tỉnh triển khai các mục tiêu:

- Đào tạo dược sĩ đại học để bổ sung nhân lực tại chỗ về dược cho các trung tâm y tế; đào tạo dược sĩ trung học để bổ sung nhân lực cho sản xuất và kinh doanh thuốc trên địa bàn;

- Tiếp tục xây dựng Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm tỉnh theo tiêu chuẩn GLP và duy trì ISO/IEC 17025; từng bước kiện toàn hệ thống bảo quản thuốc tại các cơ sở điều trị;

- Triển khai cung cấp kịp thời các thông tin chính xác về thuốc cho cán bộ y tế và nhân dân; nâng cao hiểu biết của các cán bộ y tế tuyến cơ sở và các đối tượng hành nghề kinh doanh thuốc về các văn bản pháp quy liên quan do nhà nước ban hành;

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng trong sản xuất, giám sát chất lượng và quản lý, sử dụng thuốc trong tỉnh.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về dược và mỹ phẩm mới ban hành

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05/2004/CT-BYT ngày 16/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Y tế về chấn chỉnh công tác cung ứng, sử dụng thuốc trong bệnh viện. Đã ban hành danh mục thuốc chủ yếu hàng năm cho các cơ sở khám chữa bệnh theo phân tuyến kỹ thuật.

- Thông tin cho các cơ sở hành nghề kinh doanh thuốc các loại thuốc mới; thông báo thuốc giả, thuốc bị rút số đăng ký lưu hành của Bộ Y tế và các hướng dẫn của Sở Y tế về thực hiện quy chế chuyên môn.

- Tổ chức tập huấn các văn bản quy phạm pháp luật về Dược năm 2018 cho các đơn vị trực thuộc tập trung về công tác đấu thầu mua thuốc, vật tư y tế, hóa chất y tế.

4. Công tác tổ chức thực hiện và phối hợp với các đơn vị thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định về quản lý dược và mỹ phẩm

Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện tốt các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định về quản lý dược và mỹ phẩm tại đơn vị thông qua hình thức tập huấn và tiếp nhận văn bản từ trang thông tin điện tử của Sở Y tế. Các bảng điểm kiểm tra về công tác dược do Sở Y tế xây dựng phù hợp với hệ điều trị, hệ dự phòng để các đơn vị tự kiểm tra đánh giá hàng năm trước khi Sở Y tế tiến hành phúc tra.

5. Công tác tổ chức và phối hợp liên ngành trong việc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về dược và mỹ phẩm

Việc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện

- Tiến hành thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý giá thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người tại 06 cơ sở bán buôn (*Công ty TNHH Thương mại Dược và Trang thiết bị y tế Đức Phát, Chi nhánh Công ty cổ phần Pymepharco tại Bình Định, Chi nhánh Bidiphar huyện Tây Sơn, Chi nhánh Bidiphar huyện Tuy Phước, Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam, Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định*) và các nhà thuốc trên địa bàn tỉnh, ghi nhận không có hiện tượng đầu cơ nâng giá bất hợp lý, giá thuốc tương đối ổn định trên thị trường.

- Việc tiếp nhận và xem xét kê khai lại giá thuốc thực hiện theo đúng thủ tục hành chính. Trong năm 2018, Sở Y tế và liên ngành đã tiếp nhận 3 hồ sơ kê khai lại giá thuốc của Công ty cổ phần Dược Trang thiết bị y tế Bình Định.

10.5. Quản lý kinh doanh dược

10.5.1. Công tác sản xuất thuốc:

- Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) đã đăng ký và sản xuất trong năm 2018 là 269 mặt hàng, đáp ứng nhu cầu đa dạng trong công tác khám chữa bệnh của tỉnh nói riêng và cả nước nói chung;

- Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam (FKV) đưa vào sản xuất 58 mặt hàng thuốc đã được cấp số đăng ký lưu hành toàn quốc (thuốc tiêm: 37 mặt hàng, dịch truyền: 21 mặt hàng).

10.5.2. Mạng lưới cung ứng thuốc:

Hệ thống phân phối thuốc nhà thuốc, quầy thuốc từ tỉnh đến huyện, xã đã góp phần thực hiện tốt các yêu cầu về quản lý và chuyên môn, đưa thuốc đến vùng sâu, vùng xa.

Đã triển khai phần mềm quản lý cung ứng thuốc kết nối liên thông cho tất cả các nhà thuốc trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, đã có 157 nhà thuốc cài đặt phần mềm với tỷ lệ liên thông là 54,14%.

10.5.3. Tình hình cung ứng thuốc trong năm:

- Các công ty trúng thầu; các doanh nghiệp kinh doanh thuốc trên địa bàn tỉnh, các cơ sở bán lẻ thuốc đã góp phần cung ứng kịp thời, đầy đủ thuốc cho nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trong tỉnh.

- Thuốc thuộc các chương trình y tế quốc gia, thuốc phòng dịch, phòng chống bão lụt, thuốc viện trợ ... được cung cấp kịp thời cho y tế cơ sở, không để người dân thiếu thuốc khi có thiên tai, dịch bệnh.

10.6. Đăng ký thuốc

Trong năm không có hồ sơ đăng ký thuốc dùng ngoài gửi về Sở Y tế để xác nhận đăng ký theo quy định.

10.7. Đầu thầu, cung ứng thuốc, vật tư y tế, hóa chất, khí y tế

Sở Y tế đã tham mưu và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành quyết định chấm dứt hoạt động của Đơn vị mua thuốc tập trung tỉnh Bình Định để phù hợp với Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi

tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và tạm thời giao nhiệm vụ đấu thầu thuốc lại cho Sở Y tế.

Chỉ đạo Bệnh viện đa khoa tỉnh tổ chức đấu thầu tập trung mua vật tư y tế, khí y tế (11 nhóm hàng hóa) cho các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế; tiến hành thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, vật tư y tế, hóa chất y tế, khí y tế cho các đơn vị trực thuộc.

Trong chương trình duyệt quyết toán năm 2018, Sở Y tế tiếp tục tiến hành kiểm tra quá trình mua thuốc, vật tư y tế, hóa chất y tế, khí y tế, dược liệu và các vị thuốc y học cổ truyền theo kết quả lựa chọn nhà thầu của Sở Y tế/đơn vị.

10.8. Quản lý dược bệnh viện

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Y tế tại các cơ sở điều trị, chấn chỉnh công tác cung ứng và sử dụng thuốc trong bệnh viện.

- Hội đồng thuốc và điều trị của các bệnh viện hoạt động tích cực hơn, đã tham mưu cho lãnh đạo bệnh viện trong việc xây dựng danh mục thuốc, bảo đảm tỷ lệ thuốc thiết yếu, thuốc sản xuất trong nước đạt GMP cũng như giám sát việc kê đơn sử dụng thuốc an toàn hợp lý.

- Thực hiện tốt Quy chế kê đơn, các đơn vị đã tổ chức cho các bác sĩ kê hai đơn - một đơn cho bệnh nhân, một đơn lưu làm cơ sở cho Hội đồng thuốc - điều trị giám sát việc kê đơn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn. Nhiều đơn vị đã sử dụng phần mềm quản lý bệnh viện trong việc khám chữa bệnh và kê đơn thuốc.

- Triển khai thực hiện tốt các quy định về chuyên môn của Bộ Y tế như: Thông tư số 22/2011/TT-BYT, Thông tư số 23/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011, ... tại các cơ sở điều trị trong tỉnh.

10.9. Thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc (DI & ADR)

Sở Y tế đã có văn bản chỉ đạo cho các cơ sở điều trị cũng như các cơ sở kinh doanh thuốc theo dõi phản ứng có hại của thuốc hoặc tác dụng phụ của thuốc do khách hàng phản ánh. Qua công tác kiểm tra bệnh viện cuối năm, các đơn vị đã thực hiện đầy đủ việc gửi báo cáo ADR cho Trung tâm Quốc gia về thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc khi có các trường hợp dị ứng khi dùng thuốc.

10.10. Quản lý mỹ phẩm

Hàng năm, Sở Y tế đều có kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc kinh doanh mỹ phẩm trên địa bàn; phối hợp liên ngành để thực hiện tốt công tác giám sát chất lượng mỹ phẩm trên địa bàn.

10.11. Quản lý vắc xin, sinh phẩm

Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn việc cung ứng, quản lý và sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế kết hợp trong các đợt kiểm tra bệnh viện.

10.12. Quản lý trang thiết bị

Sở Y tế thực hiện kiểm tra các cơ sở kinh doanh, sản xuất trang thiết bị y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2018 tại 08 cơ sở (Công ty TNHH Kiến Tạo,

Công ty CP Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định, Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam, Công ty TNHH MTV BHYT Đại Việt, Công ty CP Công nghệ và thiết bị Thăng Lợi, Công ty TNHH TM Dược và Trang thiết bị y tế Đức Phát, Công ty TNHH TTBYT Vật tư khoa học kỹ thuật Linh Anh, Công ty CP Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải). Các cơ sở này chấp hành đúng các quy định về quản lý trang thiết bị y tế.

Hiện nay, Sở Y tế đang triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến để thực hiện Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế. Trong năm 2018, tiếp nhận và xử lý 14 Hồ sơ trực tuyến (*Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế loại A: 11 hồ sơ, Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D: 03 hồ sơ*).

11. Công tác thống kê và tổng hợp, báo cáo

Công tác thống kê tổng hợp báo cáo được Sở Y tế chú trọng:

- Các đơn vị điều trị thực hiện: báo cáo tồn kho thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần hàng tháng; các mẫu báo cáo công tác dược bệnh viện theo quy định của Thông tư 23/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011; đăng ký danh sách bác sĩ kê đơn thuốc gây nghiện hàng năm;

- Các đơn vị hệ dự phòng thực hiện việc báo cáo tồn kho thuốc chương trình, thuốc dự án, thuốc phòng chống dịch 06 tháng, cả năm và đột xuất khi có yêu cầu trong công tác phòng chống dịch, phòng chống lụt bão.

Trong năm, Sở Y tế thực hiện tương đối đầy đủ các báo cáo theo yêu cầu của Cục Quản lý Dược và Cục Quản lý Khám chữa bệnh Bộ Y tế: Báo cáo kết quả đấu thầu thuốc, Báo cáo tồn kho thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc, ...

12. Công tác đào tạo nhân lực dược

- Trường Cao đẳng y tế tỉnh đã đầu tư mở rộng cơ sở vật chất, nâng cấp phòng thí nghiệm cho học sinh ngành dược, có chức năng đào tạo dược sĩ cao đẳng, dược sĩ trung cấp hệ chính quy. Trường đã đào tạo và đáp ứng một phần nhân lực có trình độ sơ - trung cấp - cao đẳng về dược cho các đơn vị, cho tuyển y tế cơ sở và hệ thống phân phối thuốc.

- Trong năm 2018, có 05 dược sĩ đại học tốt nghiệp về làm việc tại các đơn vị bổ sung nhân lực dược cho các đơn vị. Hiện nay, toàn tỉnh có 02 tiến sĩ, 09 thạc sĩ, 01 dược sĩ chuyên khoa II, 39 dược sĩ chuyên khoa I, 229 dược sĩ đại học, 1.101 dược sĩ trung học và 248 dược tá; riêng Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc: 02 thạc sĩ, 19 dược sĩ chuyên khoa I, 54 dược sĩ đại học.

13. Công tác cải cách hành chính

- Sở Y tế đã được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008, riêng lĩnh vực dược có 11 nội dung công việc, bao gồm: Cấp Thẻ người giới thiệu thuốc; Hướng dẫn thủ tục đăng ký hồ sơ Hội thảo/giới thiệu thuốc; Cấp Sổ tiếp nhận “Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất tại Việt Nam”; Cấp “Phiếu tiếp nhận hồ sơ quảng cáo mỹ phẩm, tổ chức hội thảo, sự kiện giới thiệu mỹ phẩm”; Xét duyệt dự trữ thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần, tiền chất

dùng làm thuốc; Hướng dẫn Thủ tục hủy thuốc gây nghiện, hướng tâm thần; Tiếp nhận và Thẩm định hồ sơ đăng ký, đăng ký lại đối với các thuốc dùng ngoài sản xuất trong nước quy định tại Phụ lục V kèm theo Thông tư số 22/2009/TT-BYT; Tiếp nhận và Thẩm định hồ sơ đăng ký thay đổi lớn, thay đổi nhỏ, thay đổi khác đối với các thuốc dùng ngoài sản xuất trong nước quy định tại Phụ lục V kèm theo Thông tư số 22/2009/TT-BYT; Tiếp nhận hồ sơ kê khai lại giá thuốc sản xuất tại Việt Nam có trụ sở sản xuất thuốc đóng trên địa bàn; Cấp “Giấy cho phép nhập khẩu thuốc theo đường phi mậu dịch”; Cấp Giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền.

- Việc xét cấp chứng chỉ hành nghề và chứng nhận đủ điều kiện hành nghề cho các cá nhân, cơ sở hành nghề y tư nhân, kinh doanh thuốc đã được thực hiện theo quy chế một cửa. Trong năm 2018, đã tiến hành cấp, cấp lại, điều chỉnh Chứng chỉ hành nghề được cho 277 cá nhân, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc (GCNĐĐKKDT) cho 203 cơ sở, cấp Giấy chứng nhận Thực hành tốt phân phối thuốc (GDP) cho 04 cơ sở, cấp Giấy chứng nhận Thực hành tốt nhà thuốc (GPP) cho 158 cơ sở.

III. CÁC TỒN TẠI VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

1. Tồn tại

- Công tác dược lâm sàng bệnh viện hiện nay còn yếu, chưa thực hiện được chức năng tư vấn sử dụng thuốc cho bác sĩ và bệnh nhân do dược sĩ đại học còn thiếu và chưa được đào tạo cơ bản về dược lâm sàng, một số bệnh viện chưa có dược sĩ đại học;

- Công tác kê đơn thuốc và bán thuốc theo đơn chưa được kiểm soát chặt chẽ;

- Công tác thống kê báo cáo ở các đơn vị trực thuộc đôi lúc còn chậm, không thực hiện đúng thời gian yêu cầu;

- Công tác quản lý trang thiết bị y tế hiện nay chưa được chặt chẽ, thiếu nhân sự.

2. Biện pháp khắc phục

- Triển khai có hiệu quả Đề án tăng cường kiểm soát kê đơn và bán thuốc kê đơn giai đoạn 2017-2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc kê đơn và sử dụng thuốc tại các đơn vị điều trị cũng như hệ thống hành nghề y tế tư nhân;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về quản lý trang thiết bị y tế bắt đầu từ năm 2018.

IV. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI

1. Kiểm tra công tác dược tại các đơn vị điều trị kết hợp với các đợt kiểm tra bệnh viện năm 2017, kết quả:

- Các đơn vị điều trị trực thuộc đều xếp loại tốt và khá;

- Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm, xếp loại: Tốt.

- Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hòa và Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Quy Nhơn, đa số các nội dung của công tác khoa được đều đạt yêu cầu.

2. Kiểm tra các đơn vị kinh doanh thuốc theo các quy định của Bộ Y tế: Thực hiện tốt các quy chế được chính và các tiêu chuẩn GDP.

3. Kết quả tự chấm điểm Công tác quản lý nhà nước về dược và mỹ phẩm năm 2017 của Sở Y tế:

- Tổng điểm tự chấm: 95.0/100;

- Tổng điểm thưởng: 02

- Tổng điểm đạt: 95/100 Xếp loại: Xuất sắc.

V. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Trong công tác đấu thầu thuốc, kính đề nghị Bộ Y tế cần công bố giá tối đa, giá tối thiểu cho từng loại hoạt chất, thuốc theo nguồn gốc nguyên liệu để đánh giá đúng thực chất chất lượng điều trị của thuốc; cho phép các cơ sở y tế được phép thực hiện chỉ định thầu rút gọn đối với gói thầu mua thuốc có giá trị không quá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) mà không cần trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho Sở Y tế thẩm định, báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt nhằm đáp ứng thuốc kịp thời, phục vụ cho nhu cầu khám chữa bệnh (Thực hiện như Khoản 3, Điều 5, Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính).

- Trong công tác dược lâm sàng, kính đề nghị Bộ Y tế quan tâm hơn đến công tác dược lâm sàng, tiếp tục hỗ trợ mở lớp tập huấn dược lâm sàng/quản lý sử dụng thuốc tại tỉnh bằng nguồn kinh phí trung ương.

- Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác dược hàng năm trong đó có đánh giá việc triển khai và rút kinh nghiệm công tác đấu thầu thuốc.

PHẦN II.

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2019

Trong năm 2019, ngành Y tế Bình Định cần thực hiện một số nhiệm vụ cơ bản trong công tác quản lý nhà nước về dược như sau:

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác đấu thầu tập trung cấp địa phương.

- Chỉ đạo Bệnh viện đa khoa tỉnh tổ chức tốt việc đấu thầu tập trung vật tư y tế, khí y tế (11 nhóm hàng hóa).

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05/2004/CT-BYT ngày 16/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Y tế về chấn chỉnh công tác cung ứng, sử dụng thuốc trong bệnh viện và Quy chế kê đơn, bán thuốc theo đơn. Đẩy mạnh hoạt động bình đơn, bình bệnh án và đánh giá tình hình sử dụng thuốc của các đơn vị điều trị. Triển khai thực hiện Đề án tăng cường kiểm soát kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn giai đoạn 2017 - 2020 tại tỉnh Bình Định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các quy chế chuyên môn ở các cơ sở điều trị, cơ sở sản xuất, kinh doanh và phân phối thuốc. Kiểm

tra việc thực hiện các quy định về quản lý giá thuốc và việc kê khai lại giá thuốc của các cơ sở sản xuất thuốc trên địa bàn.

- Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định thực hiện tốt kế hoạch sản xuất năm 2019, ứng dụng kỹ thuật cao phát triển các mặt hàng điều trị ung thư và hàng đặc trị mới, duy trì triển khai áp dụng tốt tiêu chuẩn GMP - WHO cho các dây chuyền sản xuất.

- Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm tiếp tục triển khai quản lý chuyên môn theo hướng “Thực hành tốt kiểm nghiệm”, phát huy hiệu quả máy sắc ký lỏng cao áp, máy đo độ hòa tan và máy sắc ký khí nhằm nâng cao khả năng kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc lưu thông trên thị trường. Tiếp tục thực hiện đề án và triển khai xây dựng thành công phòng kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng hiệu quả các trang thiết bị y tế tại các đơn vị trực thuộc Sở Y tế.

- Thanh kiểm tra việc thực hiện Quy chế quản lý và sử dụng thuốc kiểm soát đặc biệt tại các đơn vị; thanh tra, kiểm tra việc sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế trong dự phòng và điều trị tại các đơn vị và cơ sở kinh doanh; thanh kiểm tra hành nghề dược tư nhân, nhằm giám sát và phát hiện thuốc giả, thuốc kém chất lượng lưu hành trên thị trường.

- Quản lý tốt hoạt động hội thảo/giới thiệu thuốc; quảng cáo mỹ phẩm.

- Tiếp tục triển khai Luật Dược và các văn bản hướng dẫn liên quan. Tăng cường công tác quản lý hành nghề dược, hướng dẫn hoạt động cho các cơ sở kinh doanh thuốc thuộc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo đúng các quy định hiện hành.

- Tiếp tục hướng dẫn các cơ sở kinh doanh thuốc triển khai thực hiện các nguyên tắc thực hành nhà thuốc tốt (GPP), thực hành tốt phân phối thuốc (GDP).

Trên đây là báo cáo công tác dược năm 2018 và một số định hướng chính về nhiệm vụ công tác dược năm 2019 của ngành Y tế Bình Định. Để thực hiện tốt các nhiệm vụ này, cần có sự chỉ đạo kịp thời của Bộ Y tế, UBND tỉnh và sự phối hợp thực hiện có hiệu quả của các đơn vị trong toàn ngành nhằm đưa công tác dược ngày càng phát triển, góp phần thực hiện thắng lợi Chính sách Quốc gia về thuốc và Chiến lược chăm sóc - bảo vệ sức khỏe nhân dân. /s/

Nơi nhận:

- UBND tỉnh
- Cục Quản lý Dược;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Thanh tra Sở, KHTC;
- Lưu: VT, NVD.

(Báo cáo);

NC

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Trương

Biểu mẫu 2:

MỘT SỐ THÔNG TIN CHUNG CỦA SỞ Y TẾ NĂM 2018

1. Tên Sở Y tế: SỞ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
 2. Địa chỉ: 756 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn
 3. Thông tin về nhân lực được:

Tên đơn vị	Số lượng						
	Tiến sĩ	Thạc sĩ	DSCK I	DSCK II	DS	DSTH	Được tá
I. Đơn vị hành chính, sự nghiệp							
Ban Lãnh đạo Sở	0	1	0	0	0	0	0
Phòng Nghiệp vụ Dược	0	0	2	0	2	0	0
Thanh tra Dược	0	0	1	0	0	0	0
Trung tâm KNDPMP	0	0	2	0	7	08	0
Phòng y tế quận, huyện, thị xã	0	0	0	0	0	5	0
Bệnh viện trung ương đóng trên địa bàn	0	0	2	0	12	12	2
Bệnh viện đa khoa tỉnh	0	0	2	0	13	40	4
Bệnh viện đa khoa khu vực	0	1	2	0	7	31	1
Bệnh viện chuyên khoa, trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh	0	0	7	0	8	32	3
Bệnh viện đa khoa huyện, thành phố	0	0	4	0	25	63	2
Trạm y tế xã, phường							
- Cán bộ hưởng lương ngân sách	0	0	0	0	0	101	05
- Cán bộ không hưởng lương ngân sách	0	0	0	0	0	0	0
Các đơn vị khác	1	0	1	0	6	5	0
II. Các đơn vị sản xuất, kinh doanh							
Doanh nghiệp nhà nước (hoặc đã cổ phần hóa có vốn nhà nước)	0	7	31	0	58	240	42
DN có vốn đầu tư nước ngoài	01	0	07	0	47	122	76
C. ty Cổ phần, C. ty TNHH, DNTN	0	0	0	0	20	27	4
Nhà thuốc	0	0	1	1	20	0	0
Đại lý bán lẻ thuốc	0	0	0	0	0	0	53
Quầy thuốc	0	0	0	0	0	578	0
Hộ cá thể sản xuất thuốc, buôn bán dược liệu	0	0	0	0	1	0	0
Đại lý bán vắc xin, sinh phẩm y tế	0	0	0	0	0	0	0
TỔNG CỘNG:	02	09	62	01	226	1.264	192

Handwritten signature

4. Thông tin về cán bộ lãnh đạo dược

TT	Chức danh	Họ và tên	Chuyên môn	Địa chỉ liên hệ (địa chỉ cơ quan, điện thoại cơ quan, điện thoại di động)
1	Giám đốc Sở Y tế	Lê Quang Hùng	BS	756 Trần Hưng Đạo, Tp. Quy Nhơn. ĐT: 0563. 793 120 - DD: 090 359 8047
2	Phó GD Sở Y tế phụ trách công tác dược	Trần Văn Trương	DS	756 Trần Hưng Đạo, Tp. Quy Nhơn. ĐT: 0563. 794638 - DD: 0913416815
3	Trưởng phòng Nghiệp vụ Dược	Châu Văn Sơn	DS	756 Trần Hưng Đạo, Tp. Quy Nhơn. ĐT: 0563. 792836 - DD: 0903547715
4	Chánh thanh tra dược	Lê Cảnh Sơn	DS	756 Trần Hưng Đạo, Tp. Quy Nhơn. ĐT: 0563. 791022 - DD: 0982044427
5	Giám đốc Trung tâm kiểm nghiệm dược và mỹ phẩm	Lâm Hữu Văn	DS	427 Trần Hưng Đạo, Tp. Quy Nhơn. ĐT: 0563.813602 - DD:0982044427

5. Mạng lưới cung ứng thuốc

TT	Loại hình	Số lượng	Ghi chú
I	Các cơ sở sản xuất		
1.	SX thuốc tân dược		
	- Nhà máy dược phẩm Việt Nam	01	
	- Nhà máy có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó:	01	
	+ Liên doanh	01	
	+ 100% vốn nước ngoài	00	
2.	Sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế	00	
3.	SX thuốc đông y, thuốc từ dược liệu		
	- Doanh nghiệp SX thuốc đông y, thuốc từ dược liệu	00	
	- HTX, hộ kinh doanh cá thể SX thuốc đông y, thuốc từ dược liệu	00	
II	Các cơ sở bán buôn thuốc		
1.	Công ty TNHH, công ty cổ phần, Doanh nghiệp tư nhân	11	
2.	Doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hoá	01	
3.	Doanh nghiệp 100% nhà nước	00	
4.	Cơ sở bán buôn vắc xin	00	
5.	Cơ sở bán buôn thuốc đông y, thuốc từ dược liệu	00	
6.	Chi nhánh của các công ty, các doanh nghiệp	09	
III	Các cơ sở bán lẻ thuốc		

TT	Loại hình	Số lượng	Ghi chú
1.	Nhà thuốc	179	
	- Nhà thuốc tư nhân	169	
	- Nhà thuốc trong khuôn viên bệnh viện	06	
	- Nhà thuốc của các công ty, doanh nghiệp	04	
2.	Quầy thuốc	583	
	- Quầy thuốc tư nhân	578	
	- Quầy thuốc thuộc doanh nghiệp	08	
3.	Đại lý bán thuốc	53	
4.	Tủ thuốc trạm y tế xã	00	
5.	Cơ sở bán thuốc YHCT	16	
IV Khoa dược bệnh viện và trạm y tế			
1.	Khoa dược bệnh viện, trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh	06	
2.	Khoa dược bệnh viện tuyến quận, huyện	11	
3.	Khoa dược các bệnh viện tư nhân	02	
4.	Tủ thuốc trạm y tế xã (cấp phát thuốc miễn phí)	159	
	- Số xã, phường chưa có tủ thuốc trạm y tế/ tổng số xã, phường trong tỉnh.	00	

6. Tình hình triển khai thực hiện các GDP và GPP

Số TT	Tiêu chuẩn thực hành tốt	Số lượng	% trên tổng số cơ sở	Ghi chú
1.	Cơ sở thực hành tốt phân phối thuốc	20/20	100	
2.	Nhà thuốc/ Quầy thuốc đạt tiêu chuẩn GPP	762/762	100	

Handwritten signature

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA**CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DƯỢC, MỸ PHẨM NĂM 2018****Đơn vị : SỞ Y TẾ BÌNH ĐỊNH Địa chỉ: 756 Trần Hưng Đạo, Tp. Quy Nhơn****(Kèm theo Báo cáo số 16 /BC-SYT ngày 21 /01/2019 của Sở Y tế Bình Định)**

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Công tác quản lý nhà nước tại Sở Y tế:	23	23/23	
1	Công tác quy hoạch, kế hoạch	2	2	
1.1	Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành dược và mỹ phẩm (ngắn hạn, dài hạn) của địa phương trình UBND tỉnh, thành phố (sau đây gọi tắt là tỉnh) và được phê duyệt: - Có bản quy hoạch, kế hoạch: 1 điểm - Không có bản quy hoạch, kế hoạch: 0 điểm * Kiểm tra bản quy hoạch, kế hoạch	1	1	
1.2	Xây dựng kế hoạch năm về công tác dược và mỹ phẩm của tỉnh: - Có kế hoạch: 1 điểm - Không có kế hoạch: 0 điểm * Kiểm tra bản kế hoạch	1	1	
2	Công tác phổ biến văn bản quản lý về dược và mỹ phẩm mới ban hành	3	3	
2.1	Phổ biến đủ văn bản: - Phổ biến đủ 100% văn bản: 1 điểm. - Mỗi văn bản không phổ biến trừ 0,25 điểm tối đa không quá 1 điểm *. Kiểm tra công văn và tài liệu tại SYT	1	1	
2.2	Phổ biến, hướng dẫn tập huấn cho đủ loại đối tượng quản lý: (Cán bộ dược liên quan thuộc các phòng của Sở Y tế; Cán bộ dược của phòng y tế quận, huyện; Lãnh đạo các khoa dược bệnh viện; Lãnh đạo, người phụ trách chuyên môn của các cơ sở sản xuất kinh doanh dược, mỹ phẩm) - Phổ biến đủ loại đối tượng: 1 điểm - Phổ biến không đủ loại đối tượng: mỗi loại đối tượng trừ 0,25 điểm, tối đa không quá 1 điểm * Tùy thuộc vào lĩnh vực quản lý quy định loại đối tượng được phổ biến; Kiểm tra hồ sơ, văn bản lưu tại Sở	1	1	
2.3	Phổ biến kịp thời: - Phổ biến kịp thời và triển khai theo đúng hiệu lực của văn bản: 1 điểm - Không kịp thời: 0 điểm	1	1	
3	Công tác tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định về quản lý dược và mỹ phẩm	2	2	
3.1	Ban hành hoặc tham mưu UBND tỉnh theo thẩm quyền các văn bản quản lý về dược và mỹ phẩm theo yêu cầu quản lý của Bộ Y tế và UBND tỉnh (nếu có) - Ban hành đủ: 1 điểm - Ban hành không đủ: 0,5 điểm	1	1	

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
	- Không ban hành: 0 điểm *Kiểm tra văn bản được ban hành.			
3.2	Ban hành hoặc tham mưu UBND tỉnh các văn bản về tăng cường quản lý nhà nước về dược, mỹ phẩm trên địa bàn: - Mỗi văn bản : 0,5 điểm, tổng số không quá 1 điểm - Không có văn bản: 0 điểm *Kiểm tra các văn bản	1	1	
4	Công tác tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý về dược mỹ phẩm	6	6	
4.1	Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về lĩnh vực dược, mỹ phẩm: - Có kế hoạch thanh tra, kiểm tra: 1 điểm - Không có kế hoạch kiểm tra : 0 điểm *Kiểm tra kế hoạch	1	1	
4.2	Tổ chức phối hợp liên ngành trong công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện của các cơ sở về lĩnh vực dược và mỹ phẩm. - Có tổ chức: 1 điểm - Không tổ chức: 0 điểm	1	1	
4.3	Tổ chức thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch: - Thực hiện theo đúng kế hoạch: 1 điểm - Thực hiện không đúng kế hoạch: 0,5 điểm - Không thực hiện: 0 điểm *Kiểm tra biên bản thanh tra, kiểm tra	1	1	
4.4	Tổng kết kết quả thanh tra, kiểm tra: - Có đủ tổng kết của các đợt thanh tra: 1 điểm - Không đủ, mỗi đợt không tổng kết trừ 0,25 điểm, tổng số điểm trừ không quá 1 điểm - Không tổng kết: 0 điểm *Kiểm tra bản báo cáo tổng kết từng đợt thanh tra	1	1	
4.5	Công tác xử lý vi phạm sau thanh tra: - Xử lý theo quy định: 1 điểm - Có từ 01 trường hợp xử lý sai quy định: 0 điểm * Kiểm tra biên bản và quyết định lưu tại Sở.	1	1	
4.6	Công tác giải quyết khiếu nại tố cáo về dược, mỹ phẩm: Tổ chức xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến lĩnh vực dược, mỹ phẩm: - Giải quyết đúng thẩm quyền, đúng thời gian quy định: 1 điểm - Giải quyết đúng thẩm quyền, không đúng thời gian quy định: 0 điểm - Điểm phạt: trừ 1 điểm (-1): Không giải quyết *Kiểm tra sổ giải quyết theo dõi khiếu nại tố cáo	1	1	
5	Chỉ đạo các đơn vị tăng cường sử dụng thuốc sản xuất trong nước - Có văn bản chỉ đạo: 1 điểm - Không có văn bản chỉ đạo: 0 điểm * Kiểm tra văn bản lưu tại Sở.	1	1	
6	Chỉ đạo chuyên môn phòng y tế quận, huyện về công tác dược, mỹ phẩm trên địa bàn: - Có chỉ đạo: 1 điểm	1	1	

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
	- Không chỉ đạo: 0 điểm * Kiểm tra văn bản chỉ đạo lưu tại Sở Y tế			
7	Công tác cấp giấy phép, tiếp nhận công bố liên quan đến dược, mỹ phẩm	8	8	
7.1	Tổ chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ hội thảo thuốc: - Đúng quy định: 0,5 điểm - Không đúng quy định: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở	0,5	0,5	
7.2	Tổ chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước: - Đúng quy định: 0,5 điểm - Không đúng quy định: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở	0,5	0,5	
7.3	Tổ chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ công bố mỹ phẩm theo phân cấp: - Đúng quy định: 0,5 điểm - Không đúng quy định: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở	0,5	0,5	
7.4	Tổ chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ quảng cáo mỹ phẩm: - Đúng quy định: 0,5 điểm - Không đúng quy định: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở	0,5	0,5	
7.5	Tổ chức cấp thẻ người giới thiệu thuốc: - Đúng quy định: 0,5 điểm - Không đúng quy định: 0 điểm * Kiểm tra Hồ sơ lưu tại Sở	0,5	0,5	
7.6	Tổ chức thẩm định hồ sơ đăng ký thuốc theo phân cấp quản lý. - Đúng quy định: 0,5 điểm - Không đúng quy định: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở	0,5	0,5	
7.7	Tổ chức thẩm định và cấp chứng chỉ hành nghề dược - Đúng thủ tục và nội dung quy định: 1 điểm - Sai thủ tục và nội dung quy định: mỗi hồ sơ sai bị trừ 0,25 điểm, tổng số điểm bị trừ không quá 1 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở	1	1	
7.8	Tổ chức thẩm định và cấp giấy chứng nhận đủ ĐKKD thuốc: - Đúng thủ tục và nội dung quy định: 1 điểm - Sai thủ tục và nội dung quy định: mỗi hồ sơ sai bị trừ 0,25 điểm, tổng số điểm bị trừ không quá 1 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở	1	1	
7.9	Tổ chức thẩm định và cấp giấy chứng nhận nhà thuốc đạt tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc (GPP). - Đúng thủ tục và nội dung quy định: 1 điểm - Sai thủ tục và nội dung quy định: mỗi hồ sơ sai bị trừ 0,25 điểm, tổng số điểm bị trừ không quá 1 điểm. * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở	1	1	
7.10	Tổ chức thẩm định và cấp giấy chứng nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn thực hành tốt phân phối thuốc (GDP). - Đúng thủ tục và nội dung quy định: 1 điểm	1	1	

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
	- Sai thủ tục và nội dung quy định: mỗi hồ sơ sai bị trừ 0,25 điểm, tổng số điểm bị trừ không quá 1 điểm. * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở			
7.11	Tổ chức thẩm định và cấp giấy chứng nhận đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP) theo phân cấp quản lý - Đúng thủ tục và nội dung quy định: 1 điểm - Sai thủ tục và nội dung quy định: mỗi hồ sơ sai bị trừ 0,25 điểm, tổng số điểm bị trừ không quá 1 điểm. * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở	1	1	Chỉ đạo trong công tác kiểm tra hàng năm
II	Hiệu quả chỉ đạo thực hiện công tác quản lý nhà nước về dược và mỹ phẩm của Sở Y tế trên địa bàn.	66	61/66	
I	Công tác chỉ đạo các đơn vị thực hiện quy định về quản lý dược, mỹ phẩm theo từng lĩnh vực:	46	43.5	
1.1	Công tác quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất	3	2	
1.1.1	Tổ chức việc thực hiện các văn bản quản lý về quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất: - Có thực hiện: 1 điểm - Không thực hiện: 0 điểm	1	1	
1.1.2	Công tác dự trừ thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần: - Đúng quy định: 0,5 điểm. - Không đúng quy định: 0 điểm * Kiểm tra bản lưu tại SYT	0,5	0,5	
1.1.3	Chỉ đạo việc tổ chức cơ sở bán lẻ và nhượng thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần cho điều trị ngoại trú: 1 điểm - Mỗi quận, huyện không có điểm bán lẻ thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần hoặc khoa dược bệnh viện không thực hiện nhượng thuốc gây nghiện cho điều trị ngoại trú trừ 0,2 điểm, tổng số điểm bị trừ không quá 1 điểm - Điểm phạt: trừ 1 điểm (-1): Không tổ chức cơ sở bán lẻ thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần cho điều trị ngoại trú. * Kiểm tra báo cáo lưu tại Sở.	1	0	Tổ chức 05 điểm bán lẻ thuốc gây nghiện ngoại trú
1.1.4	Công tác thống kê báo cáo: - Đúng quy định: 0,5 điểm - Không đúng quy định: 0 điểm * Kiểm tra báo cáo lưu tại sở	0,5	0,5	
1.2	Công tác quản lý chất lượng thuốc	9	8.5	
1.2.1	Tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về quản lý chất lượng thuốc: - Có thực hiện: 0.5 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm	0.5	0,5	
1.2.2	Chỉ đạo, giám sát việc thu hồi thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng: - Có văn bản chỉ đạo và giám sát các đơn vị thu hồi kịp thời: 1 điểm - Giám sát các đơn vị thu hồi không kịp thời: 0 điểm - Điểm phạt: trừ 1 điểm (-1): Không giám sát hoặc vẫn còn thuốc bị thu hồi lưu hành trên địa bàn * Kiểm tra các văn bản lưu tại sở	1	1	
1.2.3	Chỉ đạo công tác thực hiện “Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc - GLP” tại Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm - mỹ phẩm.	0.5	0,5	

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
	- Có chỉ đạo: 0.5 điểm - Không chỉ đạo: 0 điểm. * Kiểm tra công văn chỉ đạo lưu tại Sở.			
1.2.4	Chỉ đạo công tác thực hiện GMP- WHO tại cơ sở sản xuất thuốc - Có chỉ đạo: 1 điểm - Không chỉ đạo: 0 điểm. * Kiểm tra công văn chỉ đạo lưu tại Sở.	0.5	0.5	
1.2.5	Chỉ đạo công tác thực hiện “Thực hành tốt sản xuất bao bì dược phẩm” tại các cơ sở sản xuất bao bì dược phẩm và các cơ sở sản xuất thuốc. - Có chỉ đạo: 0.5 điểm - Không chỉ đạo: 0 điểm. * Kiểm tra công văn chỉ đạo lưu tại Sở.	0.5	0.5	
1.2.6	Chỉ đạo công tác thực hiện GSP theo phân cấp quản lý tại địa phương - Có chỉ đạo: 0.5 điểm - Không chỉ đạo: 0 điểm. * Kiểm tra công văn chỉ đạo lưu tại Sở.	0.5	0,5	
1.2.7	Trung tâm KNDP:	3	2,5	
1.2.7.1	- Xây dựng kế hoạch và tổ chức giám sát chất lượng thuốc, mỹ phẩm lưu hành tại địa phương : 0.5 điểm - Không có kế hoạch: 0 điểm * Kiểm tra kế hoạch tại TTKNDP	0.5	0,5	
1.2.7.2	Tổng số mẫu kiểm nghiệm trong năm: - Từ 500 mẫu trở lên: 01 điểm - Dưới 500 mẫu: 0,5 điểm. * Kiểm tra số liệu tại Trung tâm kiểm nghiệm	1	1	
1.2.7.3	Tỷ lệ mẫu được kiểm nghiệm đủ các chỉ tiêu (Chỉ tính trên các mẫu lấy kiểm tra, giám sát chất lượng, không tính mẫu gửi, mẫu khảo sát theo chỉ đạo của Bộ Y tế hoặc theo các chương trình của Hệ thống kiểm nghiệm): - Từ 80% số mẫu trở lên: 01 điểm - Từ 60% - 80% số mẫu : 0,5 điểm - Dưới 60% số mẫu: 0 điểm. * Kiểm tra báo cáo tại Trung tâm kiểm nghiệm	1	0,5	
1.2.7.4	Triển khai việc lấy mẫu kiểm tra chất lượng thuốc một cách có trọng tâm, trọng điểm; lưu ý đối với các thuốc chứa hoạt chất kém bền vững. - Có triển khai: 0.5 điểm. - Không triển khai: 0 điểm. * Kiểm tra số liệu tại TTKN	0.5	0,5	
1.2.7.5	* Điểm thưởng: cộng 1 điểm (+ 1): Trung tâm đạt tiêu chuẩn GLP, ISO, IEC		0	
1.2.8	Tổ chức thanh tra, kiểm tra chất lượng thuốc trên địa bàn: - Có tổ chức: 1 điểm - Không tổ chức: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở.	1	1	

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
1.2.9	Báo cáo định kỳ, đột xuất công tác quản lý chất lượng thuốc trên địa bàn. - Báo cáo kịp thời: 1 điểm - Báo cáo không kịp thời: 0 điểm * Kiểm tra các báo cáo lưu tại sở,	1	1	
1.2.10	Tổ chức quản lý liên ngành trong công tác phòng chống thuốc giả, thuốc không đạt chất lượng, thuốc không rõ nguồn gốc xuất xứ, không có hóa đơn chứng từ hợp lệ: - Có tổ chức: 1 điểm - Không tổ chức: 0 điểm * Kiểm tra các văn bản lưu tại Sở	0.5	0.5	
1.3	Công tác quản lý thông tin quảng cáo thuốc	3	3	
1.3.1	Tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về quản lý thông tin quảng cáo thuốc. - Có thực hiện: 1 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm	1	1	
1.3.2	Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về thông tin quảng cáo thuốc. - Có tổ chức: 1 điểm - Không tổ chức: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở.	1	1	
1.3.3	Phối hợp liên ngành trong công tác quản lý thông tin quảng cáo thuốc và mỹ phẩm - Có phối hợp: 1 điểm - Không phối hợp: 0 điểm * Kiểm tra các văn bản lưu tại Sở.	1	1	
1.4	Công tác quản lý giá thuốc	4	4	
1.4.1	Tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về quản lý giá thuốc: - Có thực hiện: 1 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm	1	1	
1.4.2	Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý giá thuốc: - Có tổ chức: 1 điểm - Không tổ chức: 0 điểm	1	1	
1.4.3	Phối hợp liên ngành trong công tác quản lý giá thuốc: - Có phối hợp: 1 điểm - Không phối hợp: 0 điểm * Kiểm tra các văn bản lưu tại Sở.	1	1	
1.4.4	Định kỳ báo cáo giá thuốc kê khai lại về Cục Quản lý dược để cập nhật lên website của Cục: - Có báo cáo định kỳ: 1 điểm - Không báo cáo: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở	1	1	
1.5	Công tác quản lý kinh doanh dược	5	5	
1.5.1	Tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về kinh doanh dược tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh: - Có thực hiện: 1 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm	1	1	

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
1.5.2	Có kế hoạch cung ứng đủ thuốc đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh và công tác phòng chống thiên tai thảm họa: - Có kế hoạch: 1 điểm - Không có kế hoạch: 0 điểm * Kiểm tra kế hoạch lưu tại Sở.	1	1	
1.5.3	Chỉ đạo việc triển khai thực hiện GPP - Có chỉ đạo: 0.5 điểm - Không chỉ đạo: 0 điểm * Kiểm tra công văn chỉ đạo lưu tại Sở.	0.5	0,5	
1.5.4	Chỉ đạo việc triển khai thực hiện GDP - Có chỉ đạo: 0.5 điểm - Không chỉ đạo: 0 điểm * Kiểm tra công văn chỉ đạo lưu tại Sở.	0.5	0,5	
1.5.5	Công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh thuốc trên địa bàn: - Có tổ chức: 1 điểm - Không tổ chức: 0 điểm	1	1	
1.5.6	Công tác phối hợp liên ngành trong quản lý cơ sở sản xuất kinh doanh thuốc: - Có phối hợp: 1 điểm - Không tổ chức: 0 điểm	1	1	
1.6	Công tác đăng ký thuốc	6	6	
1.6.1	Tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về đăng ký thuốc: - Có thực hiện: 1 điểm - Không thực hiện: 0 điểm	1	1	
1.6.2	Chỉ đạo công tác đăng ký thuốc - Có chỉ đạo: 1 điểm - Không chỉ đạo: 0 điểm * Kiểm tra công văn chỉ đạo lưu tại Sở.	1	1	Đơn vị kinh doanh thực hiện
1.6.3	Tổ chức nhóm chuyên gia thẩm định hồ sơ đăng ký thuốc - Tổ chức thẩm định đủ các nhóm theo quy định: 1 điểm - Tổ chức nhóm chuyên gia thẩm định không đủ các nhóm: mỗi nhóm thiếu trừ 0,25 điểm, tổng số điểm bị trừ không quá 1 điểm * Kiểm tra quyết định thành lập nhóm chuyên gia lưu tại Sở	1	1	
1.6.4	Thông báo kết quả thẩm định hồ sơ đăng ký thuốc cho doanh nghiệp - Đúng thời gian quy định: 1 điểm - Không đúng thời gian quy định: mỗi hồ sơ không đúng thời gian quy định trừ 0,25 điểm, tổng số điểm bị trừ không quá 1 điểm. * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở	1	1	
1.6.5	Thông báo các cập nhật về thông tin an toàn, hiệu quả của thuốc đối với các thuốc đã được cấp phép lưu hành cho các đơn vị đăng ký và sản xuất thuốc trên địa bàn: - Thông báo đầy đủ các thông tin: 1 điểm - Thông báo không đầy đủ, mỗi văn bản thiếu trừ 0.25 điểm, tổng số điểm trừ không quá 1 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở	1	1	
1.6.6	Tổ chức kiểm tra, giám sát các đơn vị sản xuất thuốc việc thực hiện các quy định về đăng ký lưu hành thuốc theo phân cấp:	1	1	

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
	-Có tổ chức kiểm tra: 1 điểm -Không tổ chức kiểm tra: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở			
1.7	Công tác đấu thầu, cung ứng thuốc:	6	6	
1.7.1	Thành lập Tổ chuyên gia đấu thầu và Tổ thẩm định: - Có quyết định thành lập: 1 điểm - Không có quyết định: 0 điểm * Kiểm tra quyết định lưu tại Sở.	1	1	
1.7.2	Tổ chức thực hiện đấu thầu mua thuốc tập trung hoặc chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức đấu thầu mua thuốc theo quy định. - Có chỉ đạo: 1 điểm - Không chỉ đạo: 0 điểm Điểm thưởng: cộng 1 điểm (+1): đối với Sở Y tế có tổ chức đấu thầu tập trung hoặc ốp dụng hõnh thức mua sắm trực tiếp kết quả đấu thầu của Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh *Kiểm tra các văn bản chỉ đạo lưu tại Sở	1	+2	Sở Y tế tổ chức đấu thầu tập trung cho cả tỉnh
1.7.3	Hoạt động của Tổ thẩm định - Có hoạt động: 1 điểm - Không hoạt động: 0 điểm *Kiểm tra biên bản lưu tại Sở	1	1	
1.7.4	Tỷ lệ trị giá thuốc trong nước trong kết quả đấu thầu so với chỉ tiêu đã đề ra trong đề án “Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam”. -Đáp ứng chỉ tiêu của Đề án (tăng 2-4% so với năm trước): 1 điểm - Không đáp ứng: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở	1	0	
1.7.5	Thực hiện đúng quy định về việc báo cáo kết quả đấu thầu về Cục Quản lý dược sau khi có quyết định trúng thầu: -Báo cáo đúng thời gian quy định (trong vòng 30 ngày): 1 điểm -Báo cáo chưa đúng thời gian hoặc không báo cáo: 0 điểm * Kiểm tra văn bản lưu tại Sở	1	1	
1.7.6	Thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về đấu thầu thuốc của các đơn vị trên địa bàn: - Có thực hiện: 1 điểm - Không thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở.	1	1	
1.8	Công tác quản lý dược tại cơ sở Khám chữa bệnh	5	5	
1.8.1	Tổ chức thực hiện các văn bản quản lý về công tác dược tại cơ sở KCB: - Có thực hiện: 0.5 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm	0.5	0,5	
1.8.2	Chỉ đạo Hội đồng thuốc và điều trị tại cơ sở KCB đảm bảo việc sử dụng thuốc an toàn hợp lý: - Có chỉ đạo: 0.5 điểm - Không chỉ đạo: 0 điểm * Kiểm tra văn bản chỉ đạo lưu tại Sở.	0.5	0,5	
1.8.3	Chỉ đạo việc cung ứng đủ thuốc cho công tác phòng bệnh, chữa bệnh cho bệnh nhân nội trú và bệnh nhân ngoại trú có thể bảo hiểm y tế:	1	1	

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
1.8.3.1	Xây dựng kế hoạch hoặc văn bản chỉ đạo cung ứng đủ thuốc cho bệnh nhân nội trú và bệnh nhân ngoại trú có thẻ bảo hiểm y tế. - Có kế hoạch/văn bản: 0.5 điểm - Không có kế hoạch/ văn bản: 0 điểm * Kiểm tra kế hoạch/ văn bản lưu tại Sở	0.5	0,5	
1.8.3.2	Xây dựng hoặc chỉ đạo các cơ sở KCB xây dựng danh mục thuốc chủ yếu phù hợp với mô hình bệnh tật và phân tuyến kỹ thuật từng cơ sở. - Có danh mục: 0.5 điểm - Không có danh mục: 0 điểm * Kiểm tra danh mục lưu tại Sở.	0.5	0,5	
1.8.4	Cung ứng đủ thuốc theo danh mục cho bệnh nhân nội trú và bệnh nhân ngoại trú có thẻ BHYT, không để bệnh nhân tự mua. - Cung ứng đủ thuốc: 1 điểm - Điểm phạt: trừ 1 điểm (-1): Không cung ứng đủ	1	1	
1.8.5	Chỉ đạo việc thực hiện Quy chế Kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú - Có chỉ đạo: 0.5 điểm - Không chỉ đạo: 0 điểm * Kiểm tra văn bản chỉ đạo tại Sở.	0.5	0,5	
1.8.6	Chỉ đạo các giám đốc bệnh viện thực hiện đúng các quy định về hoạt động nhà thuốc bệnh viện - Có văn bản chỉ đạo: 0.5 điểm - Không có văn bản chỉ đạo: 0 điểm * Kiểm tra các văn bản chỉ đạo lưu tại Sở	0.5	0,5	
1.9	Công tác thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc ADR:	2	1.5	
1.9.1	Công tác chỉ đạo các đơn vị theo dõi và báo cáo phản ứng có hại của thuốc ADR theo quy định: - Có chỉ đạo: 0,5 điểm - Không chỉ đạo: 0 điểm * Kiểm tra văn bản chỉ đạo lưu tại Sở.	0,5	0,5	
1.9.2	Phổ biến các thông tin thuốc và ADR của Cục QLD gửi tới các cơ sở KCB - Phổ biến kịp thời: 0,5 điểm - Phổ biến không kịp thời: 0,25 điểm - Không phổ biến: 0 điểm * Kiểm tra công văn lưu tại Sở.	0,5	0,5	
1.9.3	Tổ chức các lớp tập huấn về thông tin thuốc và ADR: - Có tổ chức tập huấn: 0,5 điểm - Không tập huấn: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở.	0,5	0	
1.9.4	Kiểm tra công tác theo dõi ADR tại các đơn vị trên địa bàn: - Có kiểm tra: 0,5 điểm - Không tổ chức kiểm tra: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ tại Sở	0,5	0,5	
1.10	Công tác quản lý mỹ phẩm	4	4	
1.10.1	Chỉ đạo việc triển khai thực hiện các văn bản quản lý về quản lý mỹ phẩm:	1	1	

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
	- Có thực hiện: 1 điểm - Không thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra văn bản lưu tại Sở			
1.10.2	Tổ chức thanh tra, kiểm tra giám sát hậu mại các cơ sở sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm tại địa phương: - Có tổ chức: 1 điểm - Không tổ chức: 0 điểm	1	1	
1.10.3	Tổ chức phối hợp liên ngành trong công tác quản lý mỹ phẩm tại địa phương: - Có phối hợp: 1 điểm - Không phối hợp: 0 điểm * Kiểm tra văn bản lưu tại Sở.	1	1	
1.10.4	Chỉ đạo việc thực hiện GMP mỹ phẩm: - Có chỉ đạo: 1 điểm - Không chỉ đạo: 0 điểm	1	1	Không có cơ sở sản xuất
2.	Hiệu quả chỉ đạo thực hiện công tác quản lý nhà nước về dược, mỹ phẩm đối với Phòng y tế, cơ sở khám chữa bệnh, sản xuất, kinh doanh dược và cơ sở sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm	20	20	
2.1	Phòng y tế	4	2	
2.1.1	Trình UBND huyện ban hành theo thẩm quyền các văn bản quản lý về dược, mỹ phẩm tại địa phương theo yêu cầu quản lý của UBND Huyện (nếu có). - $\geq 70\%$ số phòng y tế thực hiện: 1 điểm - 50%-69% số phòng y tế thực hiện: 0,5 điểm - $< 50\%$ số phòng y tế thực hiện: 0 điểm	1	1	
2.1.2	Phổ biến, hướng dẫn tập huấn cho cơ sở kinh doanh dược, mỹ phẩm trên địa bàn thực hiện các văn bản QPPL, các quy định mới ban hành về quản lý dược, mỹ phẩm: - $\geq 70\%$ số phòng y tế thực hiện: 1 điểm - 50%-69% số phòng y tế thực hiện: 0,5 điểm - $< 50\%$ số phòng y tế thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra báo cáo của phòng y tế lưu tại Sở	1	0	Sở Y tế tổ chức tập huấn chung cho các khoa Dược, trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố
2.1.3	Tổ chức tự thanh tra, kiểm tra cơ sở kinh doanh dược, mỹ phẩm trên địa bàn - $\geq 70\%$ số phòng y tế thực hiện: 1 điểm - 50%-69% số phòng y tế thực hiện: 0,5 điểm - $< 50\%$ số phòng y tế thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra báo cáo của Phòng y tế lưu tại Sở	1	1	
2.1.4	Báo cáo thường xuyên định kỳ công tác quản lý nhà nước về dược, mỹ phẩm về Sở Y tế - $\geq 70\%$ số phòng y tế thực hiện: 1 điểm - 50% - 69% số phòng y tế thực hiện: 0,5 điểm - $< 50\%$ số phòng y tế thực hiện: 0 điểm * Kiểm tra báo cáo của Phòng y tế lưu tại Sở	1	0	Nhân sự không có, chỉ báo cáo khi có yêu cầu
2.2	Cơ sở Khám chữa bệnh	4	4	

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
2.2.1	Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác được: Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra trong năm/tổng số cơ sở trên địa bàn (Số liệu tính chung cho Sở Y tế, đoàn liên ngành & Phòng y tế): - Kiểm tra từ 90% số cơ sở trở lên: 2 điểm - Kiểm tra được 75% - 89% số cơ sở: 1 điểm - Kiểm tra được 50%- 74% số cơ sở: 0,5 điểm - Kiểm tra được dưới 50% số cơ sở: 0 điểm.	2	1	
2.2.2	Tỷ lệ % số cơ sở KCB được kiểm tra thực hiện đúng các quy định về được/ Tổng số cơ sở KCB được thanh tra, kiểm tra trong năm: - Tỷ lệ $\geq 80\%$: 2 điểm - Tỷ lệ từ 70% - 79%: 1 điểm - Tỷ lệ $< 70\%$: 0 điểm * Căn cứ số liệu tổng kết công tác thanh tra cuối năm của Sở Y tế (số liệu tính chung cho cả Sở Y tế và đoàn liên ngành)	2	2	
2.3	Cơ sở sản xuất kinh doanh được	8	8	
2.3.1	Kiểm tra các cơ sở sản xuất thuốc: Tỷ lệ % cơ sở được kiểm tra/ Tổng số cơ sở sản xuất trên địa bàn - Kiểm tra $\geq 90\%$ số cơ sở: 2 điểm - Kiểm tra được 75% - 89% số cơ sở: 1 điểm - Kiểm tra được 50%- 74% số cơ sở: 0,5 điểm - Kiểm tra được dưới 50% số cơ sở: 0 điểm * Kiểm tra Biên bản lưu tại Sở	2	2	
2.3.2	Kiểm tra các cơ sở bán buôn thuốc: Tỷ lệ % số cơ sở bán buôn được kiểm tra/ Tổng số cơ sở bán buôn trên địa bàn. - Kiểm tra $\geq 70\%$ số cơ sở: 2 điểm - Kiểm tra được 50%- 69% số cơ sở: 1 điểm - Kiểm tra được 30% - 49% số cơ sở: 0,5 điểm - Kiểm tra được dưới 30% số cơ sở: 0 điểm * Kiểm tra Biên bản lưu tại Sở.	2	2	
2.3.3	Kiểm tra các cơ sở bán lẻ thuốc: Tỷ lệ % số cơ sở bán lẻ được kiểm tra/tổng số cơ sở bán lẻ trên địa bàn (Số liệu tính chung cho cả Sở Y tế, đoàn liên ngành và Phòng Y tế) - Kiểm tra $\geq 70\%$ số cơ sở: 2 điểm - Kiểm tra được 50% - 69% số cơ sở: 1 điểm - Kiểm tra được 30% - 49% số cơ sở: 0,5 điểm - Kiểm tra được dưới 30% số cơ sở: 0 điểm * Kiểm tra Biên bản lưu tại Sở.	2	2	
2.3.4	Tỷ lệ % số cơ sở SX, KD được kiểm tra thực hiện đúng các quy định về được/ Tổng số cơ sở SXKD được thanh tra, kiểm tra trong năm: - Tỷ lệ $\geq 80\%$: 2 điểm - Tỷ lệ từ 70% - 79%: 1 điểm - Tỷ lệ $< 70\%$: 0 điểm * Căn cứ số liệu tổng kết công tác thanh tra cuối năm của Sở Y tế	2	2	
2.4	Cơ sở sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm	3	3	
2.4.1	Kiểm tra hậu mại cơ sở sản xuất mỹ phẩm trên địa bàn trong năm (tính cả Sở Y tế và Phòng y tế) - Kiểm tra được $\geq 40\%$ số cơ sở: 2 điểm - Kiểm tra được 25% - 39% số cơ sở: 1 điểm	2	2	

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
	- Kiểm tra được dưới 25% số cơ sở: 0 điểm			
2.4.2	Tỷ lệ % số cơ sở SX, KD được kiểm tra thực hiện đúng các quy định về mỹ phẩm/ Tổng số cơ sở SXKD mỹ phẩm được thanh tra, kiểm tra trong năm: - Tỷ lệ $\geq 80\%$: 2 điểm - Tỷ lệ từ 70% - 79%: 1 điểm - Tỷ lệ $< 70\%$: 0 điểm * Căn cứ số liệu tổng kết công tác thanh tra cuối năm của Sở Y tế	1	1	Không có cơ sở SX mỹ phẩm trên địa bàn
III	Công tác thống kê, tổng hợp, báo cáo:	4	3/4	
1	Công tác thống kê, báo cáo tổng kết công tác dược và mỹ phẩm định kỳ 6 tháng, 1 năm theo quy định : - Có đủ báo cáo: 2 điểm - Không đủ báo cáo: 1 điểm - Không thống kê, báo cáo: 0 điểm * Kiểm tra báo cáo lưu tại Sở.	2	2	
2	Gửi báo cáo tổng kết công tác dược và mỹ phẩm định kỳ 6 tháng, 1 năm về Bộ Y tế (Cục QLD): - Gửi đủ báo cáo và đúng thời hạn: 2 điểm - Gửi đủ báo cáo và không đúng thời hạn: 1 điểm Điểm phạt: trừ 1 điểm (-1): Không gửi báo cáo.	2	1	
IV	Công tác đào tạo cán bộ	4	3/4	
1	Xây dựng quy hoạch cán bộ dược: - Có xây dựng: 1 điểm - Không xây dựng: 0 điểm *Kiểm tra quy hoạch lưu tại Sở	1	1	
2	Tổ chức tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ dược: - Có tổ chức: 1 điểm - Không tổ chức: 0 điểm *Kiểm tra Biên bản lưu tại Sở	1	1	
3	Cử cán bộ đi đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ, quản lý kinh tế: - Có cử cán bộ: 1 điểm - Không cử cán bộ: 0 điểm	1	1	
4	Có đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu trong năm hoặc đang được triển khai đúng tiến độ. - Có đề tài: 1 điểm - Không có đề tài: 0 điểm. * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở.	1	0	
V	Công tác cải cách hành chính tại sở	3	5/3	
1	Triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực dược và mỹ phẩm, ban hành danh mục các thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến lĩnh vực dược và mỹ phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế. - Có tổ chức: 1 điểm - Không tổ chức: 0 điểm * Kiểm tra hồ sơ lưu tại Sở.	1	1	
2	Triển khai thực hiện việc niêm yết công khai các TTHC liên quan	1	1	

Mục	Nội dung chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm đoàn KT chấm	Ghi chú
	đến lĩnh vực dược và mỹ phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế và tiếp nhận phản ánh kiến nghị theo quy định của Đề án 30 về cải cách TTHC - Có niêm yết và niêm yết đủ các TTHC: 1 điểm - Có niêm yết nhưng không đủ, mỗi TTHC niêm yết thiếu trừ 0,25 điểm, tổng số điểm trừ không quá 1 điểm - Không niêm yết: 0 điểm Điểm phạt: Trừ 1 điểm đối với Sở Y tế không niêm yết công khai các TTHC * Kiểm tra việc niêm yết tại SYT			
3	Ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm tác nghiệp trong công tác quản lý dược và mỹ phẩm. - Có ứng dụng: 1 điểm. - Không ứng dụng: 0 điểm Điểm thưởng: cộng 1 điểm (+1): Cộng 1 điểm đối với Sở Y tế triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ III trở lên • Kiểm tra thực tế tác nghiệp tại Sở Y tế	1	1	
4	Điểm thưởng: cộng 1 điểm (+1): Thực hiện nhận trả hồ sơ cấp phép về dược và mỹ phẩm theo cơ chế “1 cửa”.		+1	
5	Điểm thưởng: cộng 1 điểm (+1): Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 trong công tác quản lý tại Sở, Xây dựng SOP (quy trình thao tác chuẩn) cho công tác quản lý về dược và mỹ phẩm tại Sở.		+1	
	Tổng điểm chuẩn	100	100	
	Tổng điểm chấm		93	
	Tổng điểm phạt	6	0	
	Tổng điểm thưởng	6	2	
	Tổng điểm tự kiểm tra		95	
	Xếp loại		Xuất sắc	

*. Ghi chú: Cách tính điểm và phân loại theo công văn hướng dẫn.

Bình Định, ngày 16 tháng 01 năm 2019

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Trương